

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2022/HSST
Ngày: 12/7/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đỗ Văn Chúc

2/ Bà Thi Thị Thanh Trúc

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2022/HSST ngày 07 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

1/ Thạch N, sinh ngày 01/01/1998; nơi sinh tỉnh Trà Vinh

Nơi cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Họ và tên cha: Thạch G, sinh (đã chết); Họ và tên mẹ: Thạch Thị L, sinh năm: 1978. Anh chị em ruột: không có, Vợ, con: chưa có;

Tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 02/11/2019, Thạch N bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh D xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 15/3/2020. Đến nay chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/02/2022 đến ngày 23/02/2022 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh V. (có mặt tại phiên tòa).

2/ Nguyễn Tấn T, sinh ngày 21/01/2004; nơi sinh tỉnh Trà Vinh

Nơi cư trú: ấp N, xã C, huyện T, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12;

Họ và tên cha: Nguyễn Văn Đ, sinh 1956 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh 1960. Anh chị em ruột: 01 người, sinh 2004; Vợ, con: chưa có;

Tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14/02/2022 đến ngày 23/02/2022 cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay tại ấp N, xã C, huyện T, tỉnh V. (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1/ Trần Quốc H1, sinh 1989 (có đơn xin vắng mặt)

2/ Hà Thị Cẩm Ph, sinh 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng cư trú: khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh V.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Thạch T1, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường B, TP. V, tỉnh V.

2/ Diệp Từ H2, sinh 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm A, phường B, TP. V, tỉnh V.

3/ Nguyễn Thị Bạch L1, sinh 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, phường D, TP. V, tỉnh V.

4/ Nguyễn Thị H, sinh 1960 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã C, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 50 phút ngày 13/02/2022, bị hại Trần Quốc H1 đến Công an thị trấn T trình báo việc gia đình bị mất trộm gồm 01 xe mô tô biển số 84K1-117.02; 01 chỉ vàng loại 24K; 01 máy tính xách tay hiệu Dell, màu xám trắng; 01 ví da màu đen bên trong có giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân tên Trần Quốc H1, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 84K1-117.02 tên Hà Thị Cẩm P và tiền khoảng 2.000.000 đồng; 03 chìa khóa xe mô tô.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Công an thị trấn T tiến hành xác minh phát hiện Thạch N và Nguyễn Tấn T có biểu hiện nghi vấn nên mời làm việc. Qua làm việc, bị cáo Thạch N và Nguyễn Tấn T thừa nhận:

Vào khoảng 23 giờ ngày 12/02/2022, sau khi đánh bi da T điều khiển xe mô tô biển số 84FC-7068 chở N về nhà của N. Trên đường về, ngang nhà bị hại H1 thì N thấy nhà anh H1 đóng và khóa cửa bên ngoài, N kêu Tài dừng xe lại và nói với T “nhà không có ai, cho anh xuống để vào coi có gì lấy được thì lấy”, bị cáo N xuống xe đi vòng vòng nhà nhưng N không vào được. N lên xe điều khiển chở T về nhà lấy cây kiềm (loại kiềm cắt cây kiềng) rồi quay lại nhà bị hại H1. Bị cáo N lấy đá đập bể kính cửa sổ rồi kêu T chở N đi ra thành phố V để tránh người khác phát hiện vì vừa đập kính gây ra tiếng động. Khoảng 30 phút sau, T điều khiển xe chở N đến nhà anh H1. Bị cáo N đứng lên yên xe dùng kiềm cắt khung nhôm cửa sổ rồi chui vào trong nhà và kêu T chạy xe đi chỗ khác chút nữa lại rước.

Bị cáo N vào nhà rồi vào phòng ngủ thứ nhất lục lấy được 01 chiếc nhẫn vàng trong ngăn tủ nhỏ bên trong tủ để quần áo rồi N đi qua phòng thứ 2 tìm và lấy được 01 máy tính xách tay hiệu Dell, màu xám trắng để trong ba lô màu nâu, 01 cái bóp da màu đen. Khi lấy được tài sản, N ra cửa nhà sau mở cửa đi ra ngoài. Lúc này, T cũng chạy xe lại, N lên xe kêu T chở đi thành phố V để bán máy tính. Trên đường đi, N ngồi ở sau xe kiểm tra trong bóp da màu đen thấy có tiền và giấy tờ cá nhân. N lấy giấy đăng ký xe mô tô biển số 84K1-117.02 và khoảng hơn 700.000 đồng. N ném bỏ cây kiếm, cái bóp da màu đen cùng giấy tờ còn lại trên đường đi. Bị cáo N không rõ trong bóp còn tiền không do N không kiểm tra kỹ. Khi đến thành phố V, do trời khuya nên các cửa tiệm đều đóng cửa nên không bán được máy vi tính. Sau đó, N kêu T chở về và N giấu máy vi tính cặp hàng rào bên trong chùa H thuộc khóm D, thị trấn T rồi cả hai đến đám tang ở ấp A, xã L chơi. Trên đường đi, N nói với T bên trong nhà anh H1 còn 01 xe mô tô Wave màu trắng biển số 84K1-117.02 nhưng không có chìa khoá. T nói sao không lấy, T biết cách khởi động xe mà không cần chìa khoá, N không nói gì. N và T đến đám tang chơi đến khoảng 02 giờ ngày 13/02/2022 thì N điều khiển xe chở T đến nhà anh H1. N và T đi vào nhà anh H1 bằng cửa sau. N vào phòng ngủ thứ nhất lấy 02 chìa khoá xe ra gắn vào ổ khoá xe 84K1-117.02 rồi dẫn xe từ nhà trước ra ngoài bằng cửa sau. Bị cáo N điều khiển xe lấy trộm, T điều khiển xe của T đi đến khu đất trống thuộc ấp A, xã L giấu xe vừa trộm. T điều khiển xe của T chở N về nhà N rồi T về nhà của T ngủ. Đến sáng ngày 14/02/2022, T điều khiển xe đến nhà N. N lấy nhẫn ra xem để đi bán thì N nghĩ là nhẫn vàng giả nên N ném bỏ trước nhà và để lại nhà 01 chìa khoá xe mô tô. Sau đó, T chở N đến chỗ giấu xe. N chạy xe lấy trộm, T chạy xe của T đến thành phố V. N gặp và nhờ Thạch T1 bán hoặc cầm xe 84K1-117.02 dùm giá 5.000.000 đồng do xe này bạn của N chơi đá gà thua nên cần tiền. Sau đó, T1 gặp Diệp Từ H2 và đem xe 84K1-117.02 đến cầm cho Nguyễn Thị Bạch L1 được 7.000.000 đồng. T1 và H2 chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng. T1 đưa cho N 5.000.000 đồng. T chở N về nhà. Số tiền trộm và cầm xe có được, N giữ rồi cùng T chơi bi da, ăn uống và tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ:

Công an thu giữ 01 chìa khoá xe dài 10 cm, một đầu nhựa màu đen, có chữ Honda, một đầu bằng kim loại màu trắng có chữ Q902, hình dáng lưỡi cưa, tại vách nhà trước của Thạch N.

Cơ quan Công an thu giữ giấy đăng ký xe và xe mô tô biển số 84K1-117.02 cùng 02 chìa khoá xe gắn trên xe từ Nguyễn Thị Bạch L1.

Thạch N giao nộp 01 máy tính xách tay màu xám, có dòng chữ Dell.

Nguyễn Tấn T giao nộp cho Cơ quan điều tra xe mô tô biển số 84FC-7068

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL-ĐGTS ngày 21/02/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành, kết luận: 01 xe mô tô biển số 84K1-117.02, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave ALPHA, mua vào năm 2013 với giá 17.000.000 đồng. Một nhẫn bằng kim loại vàng 24K, có trọng lượng 1 chỉ. Một máy tính xách tay hiệu Dell, mua vào năm 2015 với giá 9.000.000 đồng. 01 cái ví da mua vào năm 2018; 03 chìa khoá xe mô tô. Với tổng số tiền là 16.140.000 đồng.

Về vật chứng:

Cơ quan điều tra, tiến hành truy tìm chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 1 chỉ nhưng không gặp. Riêng cây kiếm, bóp da và các giấy tờ tùy thân của anh Trần Quốc H1, Thạch N ném bỏ trên đường đi nhưng không xác định ở đâu nên không thể tìm được. Đối với 01 xe mô tô và 01 giấy đăng ký xe biển số 84K1-117.02; Một máy tính xách tay hiệu Dell; chìa khóa xe mô tô, sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Quốc H1.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V đã truy tố bị cáo Thạch N, Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: các bị cáo thừa nhận bản cáo trạng xác định hành vi phạm tội của bị cáo là đúng, không bổ sung gì thêm nội dung bản cáo trạng. Bị cáo N nói lời sau cùng xin nhẹ hình phạt, bị cáo T biết lỗi xin hưởng án treo để tiếp tục việc đi học.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa: Vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 xử phạt bị cáo Thạch n từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù giam. Bị cáo T áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm; Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Đối với người liên quan bà Nguyễn Thị Bạch L1 bị cáo N đồng ý hoàn trả 5.000.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo. Riêng 2.000.000đ mà Thạch T1 nhận sau khi cầm xe, nghĩ cần dành cho bà L1 một vụ kiện dân sự khác nếu có yêu cầu.

Về vật chứng: xe gắn máy biển số 84FC -7068 đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước và án phí các bị cáo phải chịu theo qui định pháp luật.

Người bị hại: xin vắng mặt và có đơn bãi nại xin cho bị cáo T được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại xin vắng mặt tại Tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Thạch T1, Diệp Từ H2 có lời khai thể hiện trong hồ sơ và Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định Pháp luật.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình

điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Thạch N, Nguyễn Tấn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu:

Vào đêm 12 rạng sáng 13/02/2022, tại nhà của anh Trần Quốc H1, thuộc khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh V, Thạch N và Nguyễn Tấn T lấy trộm của anh Trần Quốc H1: 01 xe mô tô biển số 84K1-117.02; 01 nhẫn bằng kim loại vàng 24K, trọng lượng 1 chỉ; 01 máy tính xách tay hiệu Dell; 01 cái ví da màu đen; 03 chìa khóa xe mô tô, với tổng số tiền là 16.140.000 đồng và 2.000.000đ tiền mặt.

Như vậy, tổng tài sản mà Thạch N và Nguyễn Tấn T chiếm đoạt của anh Trần Quốc H1 khoảng 18.140.000 đồng.

Trong vụ án này, bị cáo N và bị cáo T hành động phạm tội trong trường hợp nhất thời, không có sự toan tính trước, tuy bị cáo T không trực tiếp vô nhà lấy trộm đồ vật nhưng bị cáo N gợi ý bị cáo T đồng ý và dùng xe chở bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội đến cùng theo sự sắp xếp của bị N. Từ đó cho thấy bị cáo N là chủ mưu và bị cáo T là đồng phạm.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch N, Nguyễn Tấn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là người trưởng thành, phát triển tốt về thể chất, tinh thần, đủ năng lực điều khiển hành vi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; có đủ điều kiện tìm cho mình một công việc ổn định nuôi sống bản thân và gia đình. Cả hai bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người bị hại không ai ở nhà trông coi, các bị cáo cố ý đã lén lút lấy trộm tài sản của bị hại H1 với mục đích phục vụ tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách bất hợp pháp là vi phạm pháp luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó cần cho các bị cáo mức án tương xứng với nhân thân, mức độ phạm tội của các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Thạch N vào ngày 02/11/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh D xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong ngày 15/3/2020, bị cáo sau khi trở về địa phương không lo tạo lập cho mình một nghề nghiệp chân chính để ổn định cuộc sống, ngược lại chỉ vì chây lười lao động, chỉ muốn hưởng thụ nên bị cáo lại tiếp tục phạm tội; tuy bị cáo thành thật khai báo, với vai trò là chủ mưu, trong khi bản thân bị cáo chưa được xóa án tích nhưng bị cáo

tiếp tục phạm tội. Do đó cần áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Thạch N, để bị cáo có thời gian cải tạo, giáo dục tốt.

Riêng bị cáo T phạm tội trong lúc là học sinh và phạm tội lần đầu, trong vụ án này bị cáo với vai trò là đồng phạm giản đơn do bị rủ rê và chịu sự sắp xếp của bị cáo N, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho bị hại số tiền 8.884.000 đồng; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và gia đình có công cách mạng (ông ngoại là Liệt sĩ). Do đó cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra xã hội, cũng đảm bảo giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận về mức hình phạt của bị cáo Thạch N. Riêng đối với bị cáo T Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt cao hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo có thời gian cải tạo, giáo dục cho bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe 84FC-7068 là phương tiện thực hiện phạm tội và xe lắp ráp không đúng quy định và bà Hải không đồng ý nhận lại xe.

[6] Trách nhiệm dân sự: bị hại anh Trần Quốc H1 và Hà Thị Cẩm P đã nhận lại tài sản và bị cáo T đã khắc phục, bồi thường cho bị hại được 8.884.000đ; bị hại không yêu cầu nên không xem xét. Bị cáo Thạch N tự nguyện khắc phục trả lại cho bà Nguyễn Thị Bạch L1 số tiền 5.000.000đ do bị cáo đã nhận từ Thạch T1 cầm xe cho bà L1 nên ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo Thạch N. Số tiền 2.000.000đ còn lại bà L có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với Thạch T1 theo qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

1. Bị cáo Thạch N, Nguyễn Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Thạch N 02 (hai) năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ ngày 14/02/2022.

- Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 điều 51, 17 và Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh V giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Thạch N hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bạch L1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước chiếc xe 84FC-7068 nhãn hiệu WAYEC, màu sơn đỏ đen, xe không bửng, không gương chiếu hậu bên phải, số máy: RNRHA152FMH102715, số khung không rõ.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Tấn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CA huyện Châu Thành;
- UBND xã
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thanh Tuấn

